

Prosecuting criminal cases at the request of the victim in accordance with the criminal procedure code 2015

Tran Le Loan*

Faculty of Political Theory - Law and State Management, Quy Nhon University, Vietnam

Received: 27/04/2020; Accepted: 05/08/2020

ABSTRACT

Criminal procedure legislation recognizes the right of the victims, requiring competent authorities to prosecute criminal cases, to protect their legal rights and interests. Regulations about this right in the 2015 Criminal Procedure Code are more open than the previous criminal procedure codes, however, it still has inadequacies. The article analyzes the advantages and disadvantages of the institution “prosecuting criminal cases at the request of the victim” according to the Criminal Procedure Code 2015. It then offers some recommendations to overcome the limitations.

Keywords: *Prosecute, victim, Criminal Procedure Code 2015.*

**Corresponding author.*

Email: tranleloan@qnu.edu.vn

Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự 2015

Trần Lệ Loan*

Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý Nhà nước, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày nhận bài: 27/04/2020; Ngày nhận đăng: 05/08/2020

TÓM TẮT

Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại được pháp luật tố tụng hình sự ghi nhận, trao quyền cho chính bị hại quyết định việc bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình thông qua cách thức lựa chọn giải quyết vụ án hình sự theo thủ tục chung. Chế định này được Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định cởi mở hơn so với các bộ luật tố tụng hình sự trước đây nhưng vẫn còn bỏ ngỏ nhiều vấn đề. Bài viết phân tích cụ thể những điểm mới đồng thời chỉ ra các hạn chế của chế định “khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại” theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và đưa ra một số kiến nghị nhằm khắc phục các hạn chế đó.

Từ khóa: Khởi tố, bị hại, Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn mở đầu của quá trình tố tụng hình sự (TTHS), trong đó các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận các nguồn tin về tội phạm, kiểm tra, xác minh các nguồn tin ấy nhằm xác định có hay không có dấu hiệu tội phạm, trên cơ sở đó, ra quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc không khởi tố vụ án hình sự làm cơ sở cho các hoạt động pháp lý tiếp theo.¹ Như vậy, giai đoạn khởi tố vụ án hình sự bắt đầu từ khi các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận nguồn tin về tội phạm và kết thúc khi cơ quan có thẩm quyền ra một trong hai quyết định là quyết định khởi tố vụ án hình sự (khi xác định có dấu hiệu tội phạm) hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự (khi xác định không có dấu hiệu tội phạm). Nhiệm vụ của giai đoạn khởi tố là xác định sự việc xảy ra có dấu hiệu tội phạm hay không để quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự. Quyết định khởi tố vụ án hình sự là cơ sở pháp lý đưa

một vụ việc vào giải quyết theo thủ tục TTHS, mở đầu việc điều tra làm rõ vụ án hình sự, làm phát sinh các quan hệ pháp luật TTHS tiếp theo sau đó (điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự), là cơ sở cho việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế và các hoạt động điều tra. Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự là các cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.²

Quan hệ pháp luật TTHS nói chung và quan hệ khởi tố vụ án hình sự nói riêng là một loại quan hệ pháp luật đặc biệt giữa một bên là Nhà nước và một bên là chủ thể thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, Nhà nước thực hiện vai trò bảo vệ pháp luật, bảo vệ lợi ích chung của toàn xã hội. Tuy nhiên ở một số trường hợp nhất định, pháp luật TTHS đặt ra điều kiện để khởi tố vụ án hình sự là phải có yêu cầu của bị hại. Hay nói cách khác, pháp luật trao quyền yêu cầu

*Tác giả liên hệ.

Email: tranleloan@qnu.edu.vn

khởi tố vụ án hình sự cho bị hại và coi đây là điều kiện tiên quyết để Nhà nước tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một số tội phạm nhất định. Quy định này là sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích chung của xã hội với lợi ích riêng của từng chủ thể trong xã hội (cụ thể là bị hại), khi lợi ích của bị hại không mâu thuẫn với lợi ích chung.^{3,4} Nhà nước vẫn giữ vai trò khởi tố và xử lý vụ án để nghiêm trị những hành vi phạm tội trước pháp luật. Tuy nhiên Nhà nước có sự tôn trọng nhất định đối với lợi ích của bị hại, chỉ thực hiện vai trò của mình khi có yêu cầu của bị hại. Ở những trường hợp này, nếu thực hiện việc khởi tố vụ án hình sự, lợi ích về mặt xã hội thu được có thể không lớn mà còn có thể gây ra những hậu quả mà bị hại không mong muốn (ảnh hưởng nghiêm trọng hơn về danh dự, uy tín, nhân phẩm và tương lai của người bị hại so với thiệt hại mà người phạm tội gây ra trước đó). Hơn thế, việc xét xử cũng ảnh hưởng phần nào đến người phạm tội, mối quan hệ giữa người phạm tội và bị hại, làm ảnh hưởng đến lợi ích chung của xã hội. Vì vậy trong những trường hợp này pháp luật TTHS cho phép bị hại lựa chọn cách thức giải quyết phù hợp với người đã gây thiệt hại đối với mình, hoặc là yêu cầu pháp luật can thiệp hoặc là tự dàn xếp với người đã gây thiệt hại một cách ôn hòa. Nếu cần pháp luật can thiệp bảo vệ quyền và lợi ích của mình, bị hại phải có đơn yêu cầu. Do đó quy định khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại nhằm đảm bảo lợi ích thiết thực nhất cho chủ thể đã bị hành vi phạm tội xâm hại đến.

Quy định này được ghi nhận lần đầu tiên trong Bộ luật Tố tụng hình sự 1988 (BLTTHS 1988) (Điều 88) và tiếp tục bổ sung, phát triển trong BLTTHS 2003 (Điều 105), BLTTHS 2015 (Điều 155). Đây là quy định có tính chất đặc trưng mà người bị hại có thể lựa chọn cách thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp hiệu quả nhất cho mình. Ở một số nước trên thế giới, người bị hại có vai trò rất quan trọng trong việc làm phát sinh quan hệ TTHS. Cụ thể, theo luật TTHS của Đức, đối với một số tội phạm người bị hại có thể đưa ra yêu cầu truy tố, sau đó vụ án được khởi tố và giải quyết theo thủ tục chung hoặc người bị

hại có thể trực tiếp đưa yêu cầu tới Tòa án và vụ án giải quyết theo thủ tục tư tố.⁵ Pháp luật TTHS ở Nga, Ba Lan, Áo, Đan Mạch cũng cho phép người bị hại thực hiện quyền tư tố đối với các tội phạm ít nghiêm trọng. Đối với pháp luật TTHS của Phần Lan, người bị hại có quyền truy tố tư nhân đối với tất cả các loại tội phạm. Trong pháp luật TTHS Trung Quốc, việc truy tố do người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ tự truy tố bị cáo ra tòa.⁵

Như vậy quy định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong pháp luật TTHS của nước ta vừa đảm bảo mục tiêu chung trong TTHS vừa có sự kế thừa, phát huy pháp luật TTHS theo thời gian đồng thời học hỏi kinh nghiệm của pháp luật các nước trên thế giới. Tuy nhiên từ cơ sở pháp lý cho đến thực tiễn áp dụng quy định này vẫn còn nhiều vấn đề cần suy xét. Bài viết sau đây tìm hiểu cụ thể hơn về chế định về “*khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại*” theo BLTTHS 2015, từ đó chỉ ra những hạn chế trong quy định này và đề xuất hướng hoàn thiện phần nào những hạn chế đó.

2. TRƯỜNG HỢP KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO YÊU CẦU CỦA BỊ HẠI

Khởi tố theo yêu cầu của người bị hại lần đầu tiên được ghi nhận tại Điều 88 BLTTHS 1988, sau đó là Điều 105 BLTTHS 2003. Theo đó người bị hại được yêu cầu khởi tố đối với những hành vi phạm tội không quá nghiêm trọng, chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và một số quyền nhân thân khác. Các quy định này cũng nêu rõ quyền và nghĩa vụ của người bị hại khi tham gia TTHS nói chung và quyền trình bày lời buộc tội tại phiên tòa trong trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại nói riêng.

Đến BLTTHS 2015, tại Điều 155 pháp luật cũng quy định một cách cụ thể bị hại được yêu cầu khởi tố trong 10 trường hợp khi hành vi vi phạm thỏa mãn Khoản 1 các điều: Điều 134 (Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác), Điều 135 (Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe

của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh), Điều 136 (Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội), Điều 138 (Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác), Điều 139 (Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính), Điều 141 (Tội hiếp dâm), Điều 143 (Tội cưỡng dâm), Điều 155 (Tội làm nhục người khác), Điều 156 (Tội vu khống) và Điều 226 (Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp) của BLHS 2015. Trong đó Điều 136 của BLHS hiện hành so với Điều 105 của BLHS 1999 trước đây (chỉ là tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng) thì nay có bổ sung thêm trường hợp cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội. Điều đáng lưu ý là so sánh với Điều 105 BLTTHS 2003, hành vi xâm phạm quyền tác giả không còn là trường hợp để khởi tố theo yêu cầu bị hại tại Điều 155 BLTTHS 2015. Nghĩa là với những hành vi xâm hại quyền tác giả (Điều 225 BLHS 2015) thì các cơ quan chức năng có thể khởi tố vụ án hình sự mà không nhất thiết phải có yêu cầu của bị hại. Sự thay đổi này hoàn toàn phù hợp với thực tiễn, bởi lẽ các hành vi xâm hại quyền tác giả hiện nay diễn ra hết sức tinh vi mà bản thân tác giả (tức là bị hại) đôi khi cũng không hay biết. Thậm chí bị hại cũng không hề hay biết ngay cả khi hành vi xâm hại quyền tác giả của chính mình đang bị xử lý hay đã bị xử lý. Do đó việc không cần thiết phải có yêu cầu của bị hại để khởi tố với những trường hợp này là hoàn toàn chính đáng và thiết thực.

Như vậy, với những hành vi phạm tội có mức độ nguy hiểm cho xã hội không cao, không có những tình tiết nghiêm trọng thì bị hại được đưa ra yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Đối với những trường hợp nói trên, nếu bị hại không yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền không được khởi

tố vụ án. Tuy nhiên, bị hại chỉ có quyền yêu cầu khởi tố vụ án (tức là yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án) còn quyền khởi tố vụ án vẫn thuộc về các cơ quan có thẩm quyền.

3. CHỦ THỂ ĐƯỢC YÊU CẦU KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ

Theo Khoản 1 Điều 155 BLTTHS, chủ thể được yêu cầu khởi tố vụ án hình sự là bị hại. Bị hại “là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra” (Khoản 1 Điều 62 BLTTHS). Trong trường hợp bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết thì người có quyền yêu cầu khởi tố là người đại diện của họ.

Các BLTTHS trước đây gọi là “người bị hại” thì đến BLTTHS 2015 gọi là “bị hại”. “Người bị hại” theo Khoản 1 Điều 39 BLTTHS 1988 và Khoản 1 Điều 51 BLTTHS 2003 được định nghĩa “là người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra”. Như vậy, các điều luật này đều khẳng định “người bị hại” chỉ có thể là cá nhân. Tuy nhiên trên thực tế, tội phạm gây ra thiệt hại hoặc đe dọa gây ra thiệt hại không chỉ đối với cá nhân mà còn đối với các tổ chức khác trong xã hội. Do đó việc quy định cứng nhắc như trên gây ra nhiều khó khăn cho hoạt động xét xử nhất là đối với tổ chức bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, tổ chức không thể tham gia tố tụng với tư cách là “người bị hại”. BLTTHS hiện hành quy định “bị hại” không nhất thiết chỉ là cá nhân mà còn có thể là “cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra”. Do đó chủ thể được quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS hiện hành rộng hơn so với các BLTTHS trước đây. Đối chiếu với các trường hợp được khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại nói trên, cơ quan, tổ chức với tư cách là bị hại được yêu cầu khởi tố vụ án được áp dụng đối với trường hợp thuộc Khoản 1 Điều 226 BLHS “xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp”. Bởi lẽ

các trường hợp còn lại hành vi phạm tội đều xâm phạm tới thể chất, tinh thần, tài sản của cá nhân.

Ngoài ra, việc quy định người đại diện của người bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết cũng có sự khác biệt hơn đối với các BLTTHS trước đây. Ở BLTTHS 1988 không quy định về loại chủ thể này. Nghĩa là trong mọi trường hợp, nếu được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại thì chỉ duy nhất người bị hại mới được quyền yêu cầu. Các trường hợp như người bị hại dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết thì không có quyền yêu cầu khởi tố vụ án đó nữa. BLTTHS 2003 khắc phục hạn chế này khi quy định, nếu người bị hại là “*người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất*” thì “*người đại diện hợp pháp*” của họ cũng có quyền yêu cầu khởi tố (Khoản 1 Điều 155). “*Người đại diện hợp pháp*” ở đây là cha, mẹ, nếu không còn cha, mẹ thì người đại diện hợp pháp được xác định dựa vào hàng thừa kế theo quy định của pháp luật dân sự.⁶ Thông thường các cơ quan tiến hành tố tụng xác định người đại diện hợp pháp là vợ hoặc chồng của người bị hại, trong trường hợp chưa có vợ hoặc chồng thì người đại diện hợp pháp là cha hoặc mẹ, nếu không có cha, mẹ thì là cha nuôi, mẹ nuôi, trong trường hợp cha, mẹ chết và vợ hoặc chồng chết thì đại diện hợp pháp là con; không còn ai ở hàng thừa kế thứ nhất thì xác định người đại diện hợp pháp ở hàng thừa kế thứ hai và thứ ba.⁵

BLTTHS hiện hành kế thừa quy định này của BLTTHS 2003 nhưng có một số sửa đổi, bổ sung, đó là nếu bị hại là “*người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần, thể chất hoặc đã chết*” thì “*người đại diện*” của họ cũng được quyền yêu cầu khởi tố. “*Người chưa thành niên*” được xác định cụ thể là “*người dưới 18 tuổi*” và bổ sung trường hợp người bị hại đã chết thì người đại diện của họ cũng được quyền yêu cầu. So với BLTTHS 2003 thì BLTTHS 2015 chỉ quy định là “*người đại diện*” của bị hại trong các trường hợp trên mà không cần phải là “*người đại diện hợp pháp*”. Điều này có thể hiểu, bất cứ

ai cũng có quyền đại diện cho bị hại nếu họ là người dưới 18 tuổi hoặc có nhược điểm về tâm thần, thể chất hoặc đã chết để yêu cầu khởi tố mà không nhất thiết cứ phải xét tới những người ở hàng thừa kế thứ nhất, thứ hai, thứ ba như quy định trước đây. Quy định này có ý nghĩa đáng kể vì bảo vệ kịp thời được các chủ thể có những đặc điểm nêu trên trước các hành vi xâm hại đến quyền và lợi ích của mình, nhất là khi họ không còn ai thân thiết (không còn những người ở hàng thừa kế thứ nhất và không xác định được những người thuộc hàng thừa kế thứ hai, thứ ba của họ).

Tuy nhiên người như thế nào thì được coi là “*có nhược điểm về tâm thần, thể chất*” thì pháp luật TTHS hiện hành cũng chưa quy định rõ ràng. Có thể đó là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi của mình, do tình trạng thể chất của họ gây ra (như mù, câm, điếc, tàn tật...) nhưng họ có nhận thức bình thường. Cũng có thể đó là người bị hạn chế năng lực hành vi.⁷ Nhưng nếu người nghiện ma túy hoặc chất kích thích khác mà chưa bị Tòa án tuyên bố là bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì họ có được đương nhiên coi là người có nhược điểm về thể chất, tâm thần không. Trường hợp này những người đó có được nhờ người đại diện cho mình để yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hay không?

4. NỘI DUNG, HÌNH THỨC CỦA YÊU CẦU KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ

Nội dung yêu cầu khởi tố vụ án hình sự hiện nay chưa được pháp luật quy định cụ thể. Thực tiễn cụ thể đặt ra nội dung yêu cầu khởi tố phải thể hiện rõ nguyện vọng của người yêu cầu là truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đã xâm hại đến quyền và lợi ích chính đáng của mình. Nếu đơn yêu cầu chỉ nêu nguyện vọng chung chung và yêu cầu cơ quan chức năng xử lý sự việc theo pháp luật thì các cơ quan tiến hành tố tụng phải hướng dẫn người có yêu cầu xác định chính xác nội dung yêu cầu để có hướng xử lý phù hợp, bởi lẽ trong các trường hợp nếu chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại hay xin lỗi công khai thì không phải là yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Nội dung yêu cầu khởi tố cũng có thể chứa đựng thông tin về tội phạm nên đơn yêu cầu khởi tố có thể đồng thời là đơn tố giác tội phạm.

Hình thức của yêu cầu khởi tố không được BLTTHS quy định nhưng được hướng dẫn tại Khoản 5 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP. Cụ thể: *“trường hợp khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại thì yêu cầu khởi tố của bị hại hoặc người đại diện của bị hại phải thể hiện bằng văn bản có chữ ký hoặc điểm chỉ của họ; trường hợp bị hại hoặc người đại diện của bị hại đến trực tiếp trình bày thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phải lập biên bản ghi rõ nội dung yêu cầu khởi tố để họ ký hoặc điểm chỉ vào biên bản. Biên bản do Viện kiểm sát lập phải được chuyển ngay cho Cơ quan điều tra để xem xét việc khởi tố vụ án hình sự và đưa vào hồ sơ vụ án”*. Như vậy, có hai hình thức yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, thứ nhất là làm đơn yêu cầu và thứ hai là trình bày trực tiếp yêu cầu với các cơ quan có thẩm quyền. Cả hai hình thức này đều có giá trị pháp lý như nhau. Riêng đối với trường hợp trình bày trực tiếp với các cơ quan có thẩm quyền thì khi tiếp nhận lời trình bày, các cơ quan này phải lập biên bản và có ký tên hoặc điểm chỉ của người yêu cầu để người yêu cầu xác nhận các nội dung được thể hiện trong văn bản là chính xác đồng thời tránh trường hợp người đã yêu cầu phủ nhận việc yêu cầu của mình.

Một thực tế đặt ra là có nên coi đơn tố cáo, tố giác tội phạm là yêu cầu khởi tố vụ án hình sự hay không? Nếu coi đơn tố cáo, tố giác tội phạm là yêu cầu khởi tố thì sau khi xác minh sự việc có dấu hiệu tội phạm và thuộc trường hợp khởi tố cần có yêu cầu của bị hại thì các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án. Tuy nhiên nếu đơn tố cáo, tố giác không được coi là yêu cầu khởi tố mà chỉ là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền tiến hành cập nhật sự việc và xác minh có tồn tại dấu hiệu tội phạm với sự việc được tố cáo, tố giác hay không thì rõ ràng, một khi sự việc có dấu hiệu tội phạm cần phải có yêu cầu khởi tố. Hay nói cách khác, trong trường hợp này, bị hại cần phải làm một đơn yêu cầu

khởi tố vụ án khác. Nếu không có đơn yêu cầu (dù cho trước đó chính bị hại là người đã tố cáo, tố giác hành vi phạm tội) thì cơ quan có thẩm quyền vẫn không thể ra quyết định khởi tố vụ án. Pháp luật hiện hành vẫn chưa có hướng dẫn chính thức đối với nội dung này. Sự không thống nhất quan điểm có thể dẫn tới các hoạt động tố tụng thực hiện không xuyên suốt. Ví dụ nếu các cơ quan điều tra coi đơn tố cáo, tố giác của bị hại là yêu cầu khởi tố và đã ra quyết định khởi tố vụ án. Tuy nhiên Viện kiểm sát, Tòa án không đồng ý với quan điểm này có thể trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc đình chỉ vụ án vì có vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng.⁸

5. HẬU QUẢ PHÁP LÝ KHI CÓ YÊU CẦU KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ

Trong những trường hợp cần có yêu cầu của bị hại, dù vụ việc có dấu hiệu tội phạm nhưng nếu bị hại không có yêu cầu thì các cơ quan có thẩm quyền cũng không được ra quyết định khởi tố vụ án. Tuy nhiên không phải lúc nào khi bị hại có yêu cầu khởi tố thì các cơ quan chức năng đều phải ra quyết định khởi tố vụ án. Căn cứ để khởi tố vụ án hình sự là dựa vào dấu hiệu tội phạm. Trong trường hợp người bị hại có đơn yêu cầu khởi tố nhưng vụ việc lại không có dấu hiệu tội phạm hoặc có dấu hiệu tội phạm nhưng lại thuộc trường hợp khác được nêu tại Điều 157 BLTTHS thì cũng không được khởi tố vụ án hình sự.⁹ Tóm lại, đối với những vụ việc có dấu hiệu tội phạm và cần có yêu cầu của bị hại thì khi bị hại yêu cầu hoặc là vụ án được khởi tố (nếu không thuộc các trường hợp ở Điều 157 BLTTHS) hoặc là vụ án sẽ không được khởi tố (nếu thuộc các trường hợp ở Điều 157 BLTTHS).

Trong trường hợp vụ án được khởi tố và giải quyết theo thủ tục chung thì tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại hoặc người đại diện của họ sẽ trình bày lời buộc tội tại phiên tòa (Khoản 3 Điều 62 BLTTHS). Tuy nhiên BLTTHS trước đây và hiện hành đều không quy định cụ thể bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày lời buộc tội tại phiên tòa vào lúc nào và các yêu cầu về lời buộc tội cụ thể ra sao. Theo Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP do Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành có hướng dẫn: bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày lời buộc tội tại phiên tòa phải thực hiện theo đúng quy định chung của BLTTHS về phiên tòa sơ thẩm. Do đó, việc bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày lời buộc tội tại phiên tòa được thực hiện theo trình tự phát biểu khi tranh luận tại phiên tòa. Nghĩa là, sau khi kết thúc phần xét hỏi và Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, bị hại hoặc người đại diện của họ trình bày, bổ sung ý kiến đối với lời luận tội đã được Kiểm sát viên phát biểu trước đó. Điều này được thực hiện trong cả phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm.

So với BLTTHS 2003 trình tự phát biểu tranh luận tại phiên tòa ở nội dung này đã có sự thay đổi. Trước đây pháp luật quy định người bị hại được trình bày ý kiến sau khi bị cáo trình bày lời bào chữa. Xét ra khi bị hại đã yêu cầu cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm, yêu cầu của họ có thể nặng hơn hoặc có thể nhẹ hơn so với mức Viện kiểm sát luận tội; cho nên việc bổ sung ý kiến của họ ngay sau khi Kiểm sát viên trình bày luận tội thì hợp lý hơn so với khi bị cáo trình bày xong lời bào chữa về hành vi phạm tội của mình. Yêu cầu của bị hại được trình bày tại phiên tòa, một lần nữa trở thành căn cứ để Tòa án nhận định nguyên vọng, thái độ của bị hại đối với tội phạm và cân nhắc tới hình phạt được phán xử cuối cùng.

Đối với những trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại thì rõ ràng sự có mặt của họ tại phiên tòa là điều bắt buộc. Bởi lẽ quy định bị hại hoặc người đại diện của họ trình bày lời luận tội là thủ tục bắt buộc tại phiên tòa theo trình tự xét xử, do đó, nếu không thực hiện điều này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên pháp luật lại không quy định cụ thể nếu vắng mặt của bị hại hoặc người đại diện của họ thì sẽ xử lý như thế nào. Phiên tòa có nên tiếp tục xét xử hay tạm dừng hay bị hoãn lại? Thiết nghĩ, nếu đã quy định bắt buộc phải có mặt của bị hại hoặc người đại diện của họ tại phiên tòa thì khi họ vắng mặt, Hội đồng xét xử cũng phải xem xét hoãn phiên tòa. Việc Kiểm sát viên và Hội

đồng xét xử cho rằng bị hại đã có lời khai tại Cơ quan điều tra nên không cần thiết họ phải có mặt tại phiên tòa là không đúng. Thực tiễn, có nhiều trường hợp, bị hại đã đưa ra yêu cầu nhưng họ lại cố tình không có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng.^{10,11} Rõ ràng vụ án xuất phát từ yêu cầu của họ nhưng họ lại có thái độ không cần thiết giải quyết vụ án. Những trường hợp này nên chăng coi như họ đã từ bỏ yêu cầu và Tòa án có quyền ra quyết định đình chỉ vụ án. Ngoài ra, nếu việc vắng mặt của họ không có lý do chính đáng và làm trở ngại cho việc xét xử thì tòa án phải tạm đình chỉ vụ án, đồng thời yêu cầu Viện kiểm sát hoặc Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị hại về tội từ chối khai báo để đảm bảo việc thực hiện pháp luật được nghiêm minh. Bởi lẽ dù họ có quyền yêu cầu nhưng họ cũng cần nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật và có thái độ phối hợp với cơ quan chức năng để giải quyết vụ án; không thể chỉ có quyền yêu cầu khởi tố rồi sau đó thờ ơ, không tuân thủ các quy định của pháp luật.

6. TRƯỜNG HỢP BỊ HẠI RÚT YÊU CẦU KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ

Rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự có nghĩa là vụ án được khởi tố căn cứ trên yêu cầu của bị hại nhưng sau đó bị hại không còn muốn giải quyết vụ án nữa và rút yêu cầu này.¹² Pháp luật TTHS quy định một khi người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu thì họ không được quyền yêu cầu khởi tố lại và vụ án phải bị đình chỉ. Điều này là hoàn toàn hợp lý. Bởi lẽ vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại là những vụ án gây thiệt hại không đáng kể đối với xã hội và tương quan giữa kết quả khi khởi tố và khi không khởi tố là không quá nhiều. Do đó một khi bị hại cân nhắc yêu cầu khởi tố, các cơ quan có thẩm quyền phải can thiệp để bảo vệ lợi ích của họ. Nhưng nếu họ đã không còn mong muốn giải quyết vụ án nữa thông qua hành vi cụ thể là rút yêu cầu khởi tố thì lẽ dĩ nhiên vụ án không cần tiếp tục giải quyết. Pháp luật cho phép trong bất cứ giai đoạn nào của quá trình tố tụng, bị hại hoặc người đại diện của họ cũng được rút yêu cầu khởi tố và hệ quả pháp lý tương ứng là đình chỉ vụ án.

Cụ thể, sau khi khởi tố vụ án hình sự mà bị hại hoặc người đại diện của họ rút yêu cầu khởi tố, nếu đang trong quá trình điều tra hoặc đã có bản kết luận điều tra nhưng hồ sơ chưa chuyển cho Viện kiểm sát thì Cơ quan điều tra xem xét, quyết định việc đình chỉ điều tra; nếu đã chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát thì Viện kiểm sát xem xét, quyết định việc đình chỉ vụ án (đoạn 2 Khoản 5 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP). Trường hợp vụ án đang trong giai đoạn điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nếu bị hại hoặc người đại diện của họ rút yêu cầu khởi tố thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ vụ án căn cứ tại Khoản 1 Điều 230, Khoản 1 Điều 248, Khoản 1 Điều 282 BLTTHS.

Tuy vậy việc rút yêu cầu tại phiên tòa sơ thẩm hay trong giai đoạn xét xử phúc thẩm lại chưa có quy định rõ ràng. Tại phiên tòa sơ thẩm không có bất kỳ quy định nào đề cập đến việc bị hại rút yêu cầu khởi tố, thậm chí khi nghị án của Hội đồng xét xử cũng không yêu cầu phải xem xét đến nội dung này.¹³ Như vậy, nếu tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại hoặc người đại diện của họ rút yêu cầu khởi tố thì Hội đồng xét xử không có quyền ra quyết định đình chỉ vụ án. Ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm hay tại phiên tòa phúc thẩm, việc bị hại rút yêu cầu khởi tố cũng có vướng mắc tương tự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có thẩm quyền đình chỉ xét xử phúc thẩm hoặc đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm (Điều 346 BLTTHS). Tuy nhiên theo Khoản 1 Điều 348 BLTTHS Thẩm phán chủ tọa phiên tòa chỉ ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm khi người kháng cáo đã rút toàn bộ kháng cáo hoặc Viện kiểm sát đã rút toàn bộ kháng nghị; người kháng cáo rút một phần kháng cáo, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị trước khi mở phiên tòa mà xét thấy không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị khác thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo, kháng nghị đã rút. Như vậy trong giai đoạn này, dù bị hại hoặc người đại diện của bị hại rút yêu cầu đi nữa thì Thẩm

phán chủ tọa phiên tòa vẫn không có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Đây là một điều rất vô lý, vì chính yêu cầu khởi tố mới làm phát sinh các quan hệ pháp luật TTHS nhưng khi rút kháng cáo thì vụ án được đình chỉ còn rút yêu cầu khởi tố thì lại không được đình chỉ giải quyết vụ án. Đến giai đoạn xét xử phúc thẩm, tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử có thể hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án. Tuy nhiên các trường hợp để hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án được nêu tại Điều 359 BLTTHS lại không hề nhắc đến trường hợp người yêu cầu khởi tố rút yêu cầu.¹⁴

Đối với các thủ tục đặc biệt là giám đốc thẩm và tái thẩm, hệ quả pháp lý của việc rút yêu cầu khởi tố trong các giai đoạn này cũng chưa thực sự rõ ràng. Hội đồng giám đốc thẩm và Hội đồng tái thẩm có thể hủy bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án theo Khoản 4 Điều 388 và Khoản 3 Điều 402 BLTTHS. Các thủ tục về tái thẩm được thực hiện như đối với thủ tục giám đốc thẩm (Điều 403 BLTTHS). Theo đó việc hủy bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án đối với giám đốc thẩm và tái thẩm được thực hiện theo Điều 392 BLTTHS khi có một trong các căn cứ quy định tại Điều 157 BLTTHS. Tuy nhiên Khoản 8 Điều 157 BLTTHS chỉ quy định về các vụ án được khởi tố khi có yêu cầu của bị hại hoặc người đại diện của họ nhưng những người đó lại không có yêu cầu, chứ không phải là họ đã yêu cầu mà sau đó lại rút yêu cầu đi.

So với quy định của pháp luật trước đây chỉ cho phép người bị hại rút yêu cầu khởi tố trước khi mở phiên tòa (BLTTHS 1988) mà cụ thể hơn là trước phiên tòa sơ thẩm (BLTTHS 2003) thì rõ ràng BLTTHS 2015 đã có tư duy phóng khoáng hơn khi cho phép người yêu cầu khởi tố được rút đơn trong bất cứ giai đoạn nào của quá trình tố tụng. Tuy nhiên dù cho phép như vậy nhưng pháp luật hiện hành vẫn còn nhiều quy định bỏ ngõ khi bị hại hoặc người đại diện của họ rút yêu cầu tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm.

Một điều lưu ý khác, việc rút yêu cầu của bị hại hoặc người đại diện của họ và vụ án sẽ bị đình chỉ (như đã phân tích) chỉ khi nào việc rút yêu cầu này là hoàn toàn xuất phát từ nguyện vọng và ý chí của người đã yêu cầu. Bất cứ trường hợp nào có căn cứ xác định người đã yêu cầu rút yêu cầu khởi tố trái với ý muốn của họ do bị ép buộc, cưỡng bức thì tuy người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án vẫn tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án (Khoản 2 Điều 155 BLTTHS). Việc rút yêu cầu khởi tố do bị cưỡng bức, ép buộc thì vẫn được yêu cầu khởi tố lại (Khoản 3 Điều 155 BLTTHS). Trước đây BLTTHS 1988 còn quy định mơ hồ về vấn đề này¹⁵ thì đến BLTTHS 2015 đã quy định khá rõ ràng hậu quả pháp lý về việc rút yêu cầu khởi tố không xuất phát từ tính tự nguyện của người đã yêu cầu. Quy định này nhằm bảo vệ tốt nhất lợi ích và nhân thân của bị hại. Tuy nhiên trên thực tiễn rất khó để chứng minh bị hại đã bị cưỡng bức, ép buộc, dẫn tới hành vi rút yêu cầu khởi tố trước đó, đặc biệt khi bị hại là những người bị lệ thuộc hoặc do những nguyên nhân khác mà người đó không thể thực hiện được các quyền của mình¹⁶ (ví dụ như con riêng bị cha dượng hoặc con bị chính cha đẻ của mình hiếp dâm). Trong những trường hợp này sẽ rất khó khăn để họ nộp yêu cầu khởi tố lại, thậm chí họ cũng không thể nộp đơn yêu cầu khởi tố vụ án. Thiết nghĩ, để đảm bảo công bằng xã hội, bảo vệ các quyền cơ bản đối với những người này, Viện kiểm sát hay Cơ quan điều tra có quyền can thiệp xử lý tội phạm mà không nhất thiết phải có yêu cầu của bị hại hoặc người đại diện của họ.

7. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

Việc trao quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự cho bị hại là một chế định rất hợp lý trong pháp luật TTHS khi Nhà nước muốn đảm bảo hài hòa lợi ích của một chủ thể nhất định trong xã hội với lợi ích của cả cộng đồng. Các nội dung xoay quanh chế định này trong BLTTHS 2015 cũng có nhiều điểm cởi mở hơn so với các BLTTHS trước đây, đảm bảo kịp thời hơn đối với quyền và lợi ích chính đáng của bị hại khi họ bị hành vi

phạm tội xâm hại tới. Tuy nhiên như đã phân tích ở trên, chế định này vẫn còn nhiều quy định chưa thực sự rõ ràng khiến các cơ quan áp dụng và chủ thể liên quan còn nhiều lúng túng khi thực hiện. Để phần nào hoàn thiện hơn chế định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại theo BLTTHS hiện hành, tác giả có một số đề xuất như sau:

- Cần quy định rõ chủ thể được yêu cầu khởi tố. Cụ thể cần làm rõ hơn về khái niệm “*người có nhược điểm về tâm thần, thể chất*” là người như thế nào? Theo tác giả, “*người có nhược điểm về tâm thần, thể chất*” có thể là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi của mình, do tình trạng thể chất của họ gây ra (như mù, câm, điếc, tàn tật...) nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi.

- Cần có quy định về nội dung và hình thức của yêu cầu khởi tố. Tốt hơn hết cần có mẫu đơn thống nhất về vấn đề này để người yêu cầu không phải lúng túng khi trình bày nguyện vọng về việc yêu cầu các cơ quan chức năng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội xâm hại đến mình.

- Cần có quan điểm thống nhất về việc có nên coi đơn tố cáo, tố giác của bị hại là yêu cầu khởi tố hay không. Với quan điểm của mình, tác giả cho rằng không nên coi đơn tố cáo, tố giác của bị hại là yêu cầu khởi tố mà chỉ nên coi đây là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền tiến hành cập nhật sự việc và xác minh sự việc có dấu hiệu tội phạm hay không. Bởi lẽ Khoản 1 Điều 143 BLTTHS, tố giác của cá nhân cũng chỉ dừng lại là căn cứ để xác định sự việc có dấu hiệu tội phạm. Trên cơ sở các đơn tố cáo, tố giác này, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xác minh dấu hiệu tội phạm đối với sự việc trong đó. Sau khi xác minh, nếu sự việc không có dấu hiệu tội phạm, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định không khởi tố vụ án (Khoản 1 Điều 157, 158 BLTTHS). Nếu sự việc có dấu hiệu tội phạm và không thuộc trường hợp phải có yêu cầu của bị hại, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định khởi tố vụ án. Nếu thuộc trường hợp sự việc có dấu hiệu tội phạm và cần phải có yêu cầu khởi tố của bị hại thì cơ quan có thẩm quyền phải hướng

dẫn họ làm mẫu đơn yêu cầu (theo như kiến nghị trên) hay trực tiếp xác nhận bằng lời nói về việc giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật và việc trình bày này được cơ quan có thẩm quyền ghi vào biên bản, có xác nhận của người yêu cầu, trên cơ sở đó cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án.

- Trong trường hợp bị hại hoặc người đại diện của họ đã yêu cầu khởi tố vụ án nhưng lại cố tình vắng mặt trong phiên tòa xét xử thì pháp luật nên định liệu hậu quả pháp lý. Cụ thể, nếu xét thấy việc vắng mặt của họ là không có lý do chính đáng lần thứ nhất, Hội đồng xét xử xem xét hoãn phiên tòa, nhưng đến lần thứ hai thì coi như họ đã từ bỏ yêu cầu và Hội đồng xét xử có quyền ra quyết định đình chỉ vụ án. Nếu việc vắng mặt của họ không có lý do chính đáng và gây trở ngại cho việc xét xử thì Tòa án tạm đình chỉ vụ án và yêu cầu Viện kiểm sát hoặc Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị hại về tội từ chối khai báo để đảm bảo việc thực hiện pháp luật được nghiêm minh.^{17,18}

- Pháp luật cần quy định cụ thể hơn về hệ quả pháp lý trong trường hợp rút yêu cầu khởi tố trong các giai đoạn xét xử sơ thẩm, chuẩn bị xét xử phúc thẩm, xét xử phúc thẩm. Cụ thể, nếu bị hại hoặc người đại diện của họ rút yêu cầu tại phiên tòa xét xử sơ thẩm thì Hội đồng xét xử phải ra quyết định đình chỉ xét xử vụ án. Nếu việc rút yêu cầu được thực hiện tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Nếu việc rút yêu cầu thực hiện tại phiên tòa xét xử phúc thẩm thì Hội đồng xét xử ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án. Ở các thủ tục đặc biệt như giám đốc thẩm và tái thẩm, để việc ban hành quyết định hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án và đình chỉ vụ án có cơ sở pháp lý chặt chẽ, cần bổ sung trường hợp người yêu cầu khởi tố đã rút yêu cầu, tại quy định tại Khoản 8 Điều 157 BLTTHS, cụ thể là “*tội phạm quy định tại Khoản 1 các Điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 226 của BLHS mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố hoặc đã rút yêu cầu khởi tố*”.

- Pháp luật cần xem xét tạo điều kiện cho Viện kiểm sát hay Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự mà không cần phải có yêu cầu khởi tố vụ án của bị hại hoặc người đại diện của họ trong trường hợp thuộc Khoản 2, 3 Điều 157 BLTTHS (rút yêu cầu khởi tố không có tính tự nguyện từ người đã yêu cầu) đối với người bị lệ thuộc hoặc do những nguyên nhân khác làm một người không thể thực hiện được các quyền của mình.

Tóm lại, “*khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại*” là một chế định quan trọng trong pháp luật TTHS ở nước ta. Theo thời gian chế định này dần hoàn thiện và có xu hướng mở rộng hơn về chủ thể thực hiện, cách thức thực hiện. Điều này phần nào thể hiện sự tôn trọng của Nhà nước đối với các chủ thể trong xã hội. Đây cũng có thể được coi như một chế định “*tư tố*” đặc thù trong pháp luật tố tụng hình sự của Việt Nam. Với sự tôn trọng các lợi ích chính đáng của công dân, Nhà nước tạo điều kiện để công dân chủ động hơn với sự xâm hại các quyền và lợi ích của mình. Nhà nước chỉ đặt vấn đề can thiệp khi công dân cần tới Nhà nước để xử lý các hành vi vi phạm đó. Sự chủ động này cũng góp phần thể hiện ý nghĩa tích cực trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm từ xã hội. Trên cơ sở những ý nghĩa thiết thực đó, những vấn đề còn bỏ ngỏ trong bài phân tích nói trên cần sớm hoàn thiện để chế định này được áp dụng thuận tiện hơn trong thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Học viện Cảnh sát nhân dân. *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự*, Nxb Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội, 2005.
2. Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Luật số: 101/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015).
3. Trần Văn Biên, Đinh Thế Hưng. *Bình luận những điểm mới cơ bản của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015*, Nxb Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016.
4. Phạm Thanh Bình, Nguyễn Mai Bộ, Lê Văn Thư, Nguyễn Ngọc Hà, Trần Văn Luyện, Phạm Thị Thu,

- Đỗ Thị Phượng, Nguyễn Cao Hùng. *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2019.
5. Nguyễn Đức Thái. *Khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2015.
 6. Khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Luật số: 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015).
 7. Khoản 1 Điều 24 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Luật số: 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015).
 8. Hoàng Thị Vân Anh. *Khởi tố vụ án theo yêu cầu bị hại: Những hạn chế cần khắc phục*. Website: <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/khoi-to-vu-an-theo-yeu-cau-cua-bi-hai-nhung-han-che-can-khac-phuc>, truy cập ngày 26/6/2020.
 9. Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Luật số: 101/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015).
 10. Đinh Văn Quế. *Phải hoãn xử vắng mặt người bị hại*, website: <https://plo.vn/plo/phai-hoan-xu-neu-vang-nguoi-bi-hai-311570.html>, truy cập ngày 10/4/2020.
 11. Nguyễn Thị Kim Liên. *Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại*, <https://kiemsat.vn/khoi-to-vu-an-hinh-su-theo-yeu-cau-cua-bi-hai-50470.html>, truy cập ngày 10/4/2020.
 12. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự*, Nxb Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, 2018.
 13. Khoản 3 Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Luật số: 101/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015).
 14. Điều 359 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Luật số: 101/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015).
 15. Khoản 2 Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 (Số: 7-LCT/HDDNN8 ngày 28 tháng 6 năm 1988).
 16. Trần Quang Tiệp. *Một số vấn đề lý luận về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại*, website: <http://csnd.vn/Home/Nghien-cuu-Trao-doi/783/Mot-so-van-de-ly-luan-ve-khoi-to-vu-an-hinh-su-theo-yeu-cau-cua-nguoi-bi-hai>, truy cập ngày 20/4/2020.
 17. Lê Đình Duy. *Quyền của bị hại trong tố tụng hình sự*, website: <https://kiemsat.vn/quyen-cua-bi-hai-trong-to-tung-hinh-su-48550.html>, truy cập ngày 26/6/2020.
 18. Phan Thành Nhân. *Thời điểm bị hại có quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và kiến nghị hoàn thiện*, website: <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/thoi-diem-bi-hai-co-quyen-rut-yeu-cau-khoi-to-vu-an-hinh-su-va-kien-nghi-hoan-thien>, truy cập ngày 26/6/2020.